

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày: 18 - 12 - 2020

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng dân  
sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mận.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Thông Phi;

2. Ông Trần Minh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 345/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXXST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 8, khu phố L, thị trấn L2, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Bà **Đoàn Thị M**, sinh năm 1966; địa chỉ: khu phố L3, thị trấn L2, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Các đương đều có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020, biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào năm 2016, bà Nguyễn Thị L có tham chơi một dây hụi do bà Đoàn Thị M mở cho đến tháng 7/2017 thì bà M xả tất cả các dây hụi do bà M là chủ hụi và ngưng không tổ chức chơi hụi nữa.

Thời điểm đó bà L còn tham gia một chân trong dây hụi 5 triệu đồng gồm 21 người chơi do bà M tổ chức, về thời gian bắt đầu chơi và mãn hụi thì hiện nay bà L không còn nhớ rõ. Bà L nhớ là tham gia đóng được 14 tháng thì bà M xả hụi nên đối với dây hụi này bà L đóng đến tháng thứ 14 thì không đóng nữa. Thời điểm xả hụi, giữa bà L và bà M có tính toán lại và chốt sổ với nhau, bà L đóng được 14 tháng là 70.000.000 đồng, trừ tiền huê hồng cho bà M là 1.500.000 đồng, còn lại là 68.500.000 đồng; tại thời điểm chốt hụi bà M chồng hụi cho bà L được 40.000.000 đồng, còn lại là 28.500.000đ và bà M viết cho bà L một tờ giấy thể hiện nội dung trên và giao cho bà L giữ.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà M phải trả số tiền hụi còn lại 28.500.000 đồng nhưng đến nay bà M cứ hẹn và không trả. Nay bà L yêu cầu buộc bà M phải trả cho bà L số tiền hụi 28.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Để chứng minh yêu cầu của kiện của mình, bà Liễu nộp cho Tòa án 01 tờ giấy “ghi số tiền hụi, tiền hoa hồng, số tiền đã đưa và tiền hụi còn nợ lại”, ngoài ra bà L không nộp bổ sung gì thêm.

*Theo biên bản lấy lời khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Đoàn Thị M trình bày:*

Bà M thừa nhận vào khoảng năm 2016, bà L có tham gia chơi một chân hụi trong dây hụi 5 triệu đồng gồm 21 người chơi; đến khoảng tháng 7 năm 2017 thì bà M xả tất cả các dây hụi vì không còn khả năng gồng gánh các khoản nợ hụi nữa.

Sau khi xả hụi, bà M thừa nhận có viết cho bà L một tờ giấy ghi số tiền hụi là 70.000.000 đồng, tiền huê hồng mà bà M được hưởng là 1.500.000đ và chồng tiền cho bà L tại thời điểm chốt nợ là 40.000.000 đồng, còn lại số tiền 28.500.000 đồng.

Đối với số tiền 28.500.000 đồng, bà M khai đã trả đầy đủ cho bà L sau khi bà M bán đất để thanh toán các khoản nợ. Số tiền này đã được trả tại nhà của bà L, thời gian trả khi nào thì hiện nay bà M không còn nhớ rõ và khi trả số tiền 28.500.000 đồng, các bên không viết giấy tay gì với nhau, bà M cũng không lấy lại giấy đã ghi nợ cho bà L.

Bà M không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tình tiết mà các đương sự đã thống nhất với nhau: Bà L và bà M đều thừa nhận sau khi xả hụi thì bà M còn nợ lại bà L số tiền hụi 28.500.000đồng và có ghi giấy giao cho bà L giữ.

Các tình tiết các đương sự chưa thống nhất với nhau:

+ Theo bà L: Sau khi viết giấy xác nhận nợ cho bà L thì bà M chưa trả nợ cho bà L nên còn nợ lại 28.500.000đồng;

+ Theo bà M: Sau khi tính toán nợ với bà L thì bà M đã bán đất và trả hết nợ cho bà L nên hiện nay không còn nợ bà L nữa.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử;

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo Bộ luật dân sự tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-Cp ngày 29/02/2019 về hộ, hui, biêu, phường của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án để: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị L; buộc bà Đoàn Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L 28.500.000đồng tiền nợ hui. Về án phí: Bà Đoàn Thị M phải nộp án phí sung vào Ngân sách nhà nước; trả lại tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật:* Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà L số tiền 28.500.000đồng. Đây là số tiền bà M nợ lại bà L trong quá trình chơi hui. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là: “*Tranh chấp về nợ hui*” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại phiên tòa nguyên đơn – bà L và bị đơn – bà M đều thừa nhận, khoảng vào năm 2017 bà L có tham gia chơi hui do bà M làm chủ hui. Đến khoảng tháng 7/2017 do bà M ngưng không tổ chức chơi các dây hui nữa nên có tính toán tiền hui với bà L cụ thể: Số tiền bà L đã đóng được 14 tháng là 70.000.000đồng, trừ tiền hoa hồng cho bà M 1.500.000đồng, còn lại 68.500.000đồng. Thời điểm đó bà M trả cho bà L được 40.000.000đồng còn ghi nợ lại 28.500.000đồng.

Tại phiên tòa bà L trình bày: Sau khi bà M ghi giấy xác nhận còn nợ lại bà L 28.500.000đồng thì bà M không trả nợ cho bà L, mặc dù bà L đã nhiều lần yêu cầu bà

M trả nợ. Bị đơn – bà M cho rằng sau khi xác nhận nợ với bà L thì bà đã bán đất và thanh toán hết cho bà L nên hiện nay không nợ bà L nữa.

Xét thấy: Khoảng tháng 7/2017, khi bà M ngưng tổ chức các dây hụi, sau khi tính toán và trả trước một phần nợ thì bà M đã xác nhận còn nợ bà Nguyễn Thị L 28.500.000đồng. Hiện nay bà M cho rằng đã thanh toán đủ tiền nợ cho bà L nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho việc đó. Hơn nữa, bản thân bà L cũng cho rằng bà M chưa trả nợ cho bà L. Vì vậy không có căn cứ để xác định việc bà M đã thanh toán nợ cho bà L. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Đoàn Thị M là hoàn toàn có căn cứ, cần được chấp nhận. Theo đó cần buộc bà Đoàn Thị M phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 28.500.000đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Điều 471 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biên, phường.

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Buộc bà Đoàn Thị M phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ hụi là 28.500.000đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Án phí: Bà Đoàn Thị M phải nộp 1.425.000 đồng (*Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/12/2020).

Trường hợp bản án có hiệu lực được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mận**